

Số: 314 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 16. tháng 02 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH Top Trust Biotechnology tại Văn bản số 105/CVMT-TTB ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 67/CVMT-TTB ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy sản xuất bẫy chuột, thiết bị diệt chuột và côn trùng (không có công đoạn xi mạ), quy mô 760.000 sản phẩm/tháng tại lô đất số B6, Cụm công nghiệp Tân Hội 1, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 511./TTr-STNMT ngày 23 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Top Trust Biotechnology được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất bẫy chuột, thiết bị diệt chuột và côn trùng (không có công đoạn xi mạ), quy mô 760.000 sản phẩm/tháng tại lô đất số B6, Cụm công nghiệp Tân Hội 1, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất bẫy chuột, thiết bị diệt chuột và côn trùng (không có công đoạn xi mạ), quy mô 760.000 sản phẩm/tháng.

1.2. Địa điểm hoạt động: lô đất số B6, Cụm công nghiệp Tân Hội 1, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn

một thành viên, mã số doanh nghiệp 3901295107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2020, thay đổi lần thứ 1 ngày 25 tháng 05 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 5482788397 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2020, chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 15 tháng 09 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3901295107.

1.5. Loại hình Dự án: sản xuất bẫy chuột, thiết bị diệt chuột và côn trùng (không có công đoạn xi mạ).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

1.6.1. Quy mô: Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.2. Tổng diện tích: 19.955,0 m².

1.6.3. Công suất sản xuất: bẫy chuột, thiết bị diệt chuột và côn trùng (không có công đoạn xi mạ), quy mô 760.000 sản phẩm/tháng, gồm:

- Bẫy chuột thông minh từ kim loại, công suất 145.900 sản phẩm/tháng;
- Kẹp bẫy chuột bằng nhựa, công suất 75.000 sản phẩm/tháng;
- Chất kết dính - sản phẩm dính diệt chuột, diệt kiến, diệt ruồi, diệt gián, công suất 166.600 sản phẩm/tháng;
- Diệt côn trùng an toàn - xịt diệt gián, công suất 29.167 sản phẩm/tháng;
- Gel mồi nhử diệt côn trùng, công suất 16.667 sản phẩm/tháng;
- Hương muỗi, công suất 310.000 sản phẩm/tháng;
- Mồi nhử chuột, công suất 16.666 sản phẩm/tháng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Top Trust Biotechnology:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Top Trust Biotechnology có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường của Dự án đã được cấp phép trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND xã Tân Hội, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Giấy phép môi trường số 111/GPMT-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Tân Châu cấp cho Dự án Nhà máy sản xuất bẫy chuột, thiết bị diệt chuột và côn trùng (không có công đoạn xi mạ) - công suất 9.120.000 sản phẩm/năm (tương đương 7.000 tấn sản phẩm/năm) của Công ty TNHH Top Trust Biotechnology hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, chủ trì phối hợp với UBND huyện Tân Châu và các cơ quan tổ chức có liên quan kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận: *llat*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hội;
- Công ty TNHH Top Trust Biotechnology;
- Đăng tải trang thông tin điện tử Sở TN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH,



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1**THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT – UBND
ngày 10 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau hệ thống xử lý đạt yêu cầu đầu nổi của Cụm công nghiệp Tân Hội 1 chảy ra hồ gas đầu nổi nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1 để xử lý, không xả ra môi trường).

- Đã ký Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất với Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) tại Hợp đồng số 05/2020/HDQSDĐ-TICICO ngày 09/3/2020 và Biên bản thỏa thuận đầu nổi hạ tầng kỹ thuật Dự án Nhà máy sản xuất bẫy chuột, thiết bị diệt chuột và côn trùng (không có công đoạn xi mạ) vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Hội 1 vào ngày 19/6/2023.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên phát sinh từ khu vực văn phòng, nhà xưởng sản xuất với lưu lượng lớn nhất là 16,0 m³/ngày được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, có 07 bể tự hoại bao gồm 03 bể có thể tích 20 m³/bể, 03 bể có thể tích 13m³/bể, 01 bể có thể tích 5,2 m³/bể. Nước thải sau bể tự hoại theo đường ống HDPE Ø200mm chảy ra hồ gas tập trung trong khuôn viên Dự án trước khi thải ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải phát sinh từ công đoạn xử lý bề mặt kim loại đối với sản phẩm bẫy diệt chuột thông minh gồm: nước thải từ 02 bể chứa hóa chất tẩy dầu mỡ (sử dụng hóa chất là H₂SO₄ 5% và NaOH 5%), 01 bể chứa hóa chất photphat hóa (sử dụng dung dịch photphat hóa ZCR-588⁴) và 03 bể nước rửa hóa chất bằng nước với lưu lượng thải lớn nhất 24 m³/ngày được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC Ø168 dài 37m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Dự án có công suất thiết kế 40 m³/ngày.đêm để xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi sơn tĩnh điện của dây chuyền sản xuất bẫy diệt chuột thông minh với lưu lượng 3m³/ngày được thu về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Dự án có công suất thiết kế 40 m³/ngày.đêm để xử lý.

Nước thải sản xuất (gồm nước thải từ quá trình rửa bán thành phẩm tẩy diệt chuột thông minh bằng nước (sau công đoạn xử lý bề mặt kim loại) và từ hệ thống xử lý bụi sơn tĩnh điện của dây chuyền sản xuất tẩy diệt chuột thông minh) được thu về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Dự án có công suất thiết kế 40 m³/ngày.đêm để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sau đó theo đường ống HDPE Ø200mm dài 58m ra hố gas đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1.

- Công trình thoát nước thải sau xử lý ra hố gas đầu nối nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1 để xử lý:

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng bể tự hoại và nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế 40 m³/ngày.đêm chảy vào hố gas thoát nước thải nằm tại lô B6 sau đó theo đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1.

+ Tọa độ: X = 1288 348; Y = 574 417 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

+ Điểm xả nước thải: hố gas xả nước thải nằm lô B6 (thiết kế điểm xả nước thải phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m² và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý, đầu nối nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại → hố gas đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1.

- Nước thải sản xuất (gồm: gồm nước thải từ quá trình rửa bán thành phẩm tẩy diệt chuột thông minh bằng nước (sau công đoạn xử lý bề mặt kim loại) và từ hệ thống xử lý bụi sơn tĩnh điện của dây chuyền sản xuất tẩy diệt chuột thông minh) → hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Dự án → hố gas đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1.

Hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Dự án có quy trình công nghệ như sau: nước thải → bể tách dầu → bể điều hòa → bể phản ứng tổng hợp → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng → bể lọc → hố gas đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại, có 07 bể gồm: 03 bể có thể tích 20 m³/bể, kích thước mỗi bể 4,7m x 2,5m x 1,9m; 03 bể có thể tích 13 m³/bể, kích thước 3,8m x 2,6m x 1,7m; 01 bể có thể tích 5,2 m³/bể, kích thước 2,2m x 2,2m x 1,53m; kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất có công suất xử lý 40 m³/ngày.đêm gồm:

TT	Hạng mục	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	Bể tách dầu	1	Bể ngầm, 1 bể ngăn 2 ô - Kích thước: LxBxH= 2,8m x 0,8m x 3m. - Vật liệu: + Đáy BTCT, M250 + Tường bê tông - gạch 6 lỗ - Phủ composite chống thấm mặt trong. - Thời gian lưu: 1,8 giờ.
2	Bể điều hòa	1	Bể ngầm - Kích thước: LxBxH= 2,8m x 2,6m x 3m. - Vật liệu: + Đáy BTCT, M250 + Tường bê tông - gạch 6 lỗ - Phủ composite chống thấm mặt trong. - Thời gian lưu: 4 giờ
3	Bể phản ứng tổng hợp	1	- Kích thước: LxBxH= 1,0m x 1,0m x 1,5m. - Vật liệu: + Đáy BTCT, M250 + Thép tấm hàn thép tấm/6mm, FRP ba lớp vải năm lớp dầu chống ăn mòn. - Thời gian lưu: 40 phút
4	Bể keo tụ	1	- Kích thước: LxBxH= 1,0m x 1,0m x 2,0m. - Vật liệu: + Đáy BTCT, M250 + Thép tấm hàn thép tấm/6mm, FRP ba lớp vải năm lớp dầu chống ăn mòn. - Thời gian lưu: 50 phút
5	Bể tạo bông	1	- Kích thước: LxBxH= 1,0m x 1,0m x 1,5m. - Vật liệu: + Đáy BTCT, M250 + Thép tấm hàn thép tấm/6mm, FRP ba lớp vải năm lớp dầu chống ăn mòn. - Thời gian lưu: 20 phút
6	Bể lắng	1	- Kích thước: LxBxH= 2,0m x 4,0m x 3,0m. - Vật liệu: + Đáy BTCT, M250 + Thép tấm hàn thép tấm/6mm, FRP ba lớp vải năm lớp dầu chống ăn mòn.
7	Bể lọc	1	- Kích thước: LxBxH= 1,0m x 2,0m x 3,0m. - Vật liệu: Thép hàn
8	Bể chứa bùn	1	- Kích thước: LxBxH= 2m x 2m x 3m - Vật liệu: Thép hàn

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H_2SO_4 , NaOH, PAC, Polymer.

1.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Từ ba (03) tháng đến sáu (06) tháng kể từ khi đưa hệ thống xử lý nước thải vào vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 40 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Một (01) mẫu nước thải đầu vào tại bể tách dầu.

- Một (01) mẫu nước thải đầu ra sau bể lọc của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Dự án có công suất 40 m³/ngày.đêm; các thông số giám sát và giá trị giới hạn theo yêu cầu đầu nổi nước thải của Cụm công nghiệp Tân Hội 1: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

2.3. Tần suất lấy mẫu: thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận của Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu vào, đầu ra. Thường xuyên kiểm định, hiệu chuẩn đồng hồ theo quy định; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.4. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, Công ty phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải.

Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải của Dự án về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân Hội 1.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT – UBND
ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: khí thải từ buồng phun sơn logo của dây chuyền sản xuất bẫy chuột thông minh bằng kim loại.
- Nguồn số 02: bụi sơn từ buồng phun sơn tĩnh điện của dây chuyền sản xuất bẫy chuột thông minh bằng kim loại.
- Nguồn số 03: khí thải từ máy phối trộn nguyên liệu của dây chuyền sản xuất sản phẩm diệt côn trùng - xịt diệt gián.
- Nguồn số 04: khí thải từ máy phối trộn nguyên liệu của dây chuyền sản xuất gel môi nhử côn trùng.
- Nguồn số 05: khí thải từ máy phối trộn nguyên liệu của dây chuyền sản xuất hương muỗi.
- Nguồn số 06: khí thải từ máy phối trộn nguyên liệu của dây chuyền sản xuất sản phẩm nhử chuột.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: tại ống khói thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 01, số 03, số 04, số 05, số 06; tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1288\ 357$; $Y = 0574\ 433$.

- Dòng khí thải số 02: tại ống khói thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi của nguồn số 02; tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1288378$; $Y = 0574404$;

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Dự án tại lô đất số B6, Cụm công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.2 Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất $10.000\ m^3/giờ$.
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất $8.000\ m^3/giờ$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý được xả ra môi trường thông qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số $K_p = 1,0$ và $K_v = 1$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Dòng khí thải số 01 đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT, hệ số $K_p = 1,0$, $K_v = 1$ và QCVN 20:2009/BTNMT.					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	$P \leq 20.000$	01 năm/ lần	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ - CP
2	Bụi	mg/Nm ³	200		
3	Benzen	mg/Nm ³	5		
4	Phenol	mg/Nm ³	19		
5	Metylaxetylen	mg/Nm ³	1.650		
6	Nitrometan	mg/Nm ³	250		
7	Toluen	mg/Nm ³	750		
8	Xylene	mg/Nm ³	870		
Dòng khí thải số 02 đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT, hệ số $K_p = 1,0$, $K_v = 1$.					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	$P \leq 20.000$	06 tháng/ lần	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ - CP
2	Bụi	mg/Nm ³	200		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01, số 3, số 04, số 05, số 06: lắp đặt hệ thống xử lý khí thải theo phương án khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi thoát ra 01 ống khói thoát khí thải cao 15 mét.

- Nguồn số 02: lắp đặt hệ thống xử lý bụi sơn tại buồng phun sơn tĩnh điện của dây chuyền sản xuất bẫy chuột thông minh bằng kim loại theo phương án

bụi sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT hệ số $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thoát ra 01 ống khói thoát khí thải cao 15 mét.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải cho các nguồn số 01, số 03, số 04, số 05, số 06 (khí thải từ các công đoạn: phun sơn logo của dây chuyền sản xuất bẫy chuột thông minh bằng kim loại, phối trộn nguyên liệu của các dây chuyền sản xuất sản phẩm diệt côn trùng - xịt diệt gián, gel môi nhử côn trùng, hương muỗi, môi nhử chuột):

+ Quy trình công nghệ xử lý: khí thải → hệ thống đường ống dẫn → tháp hấp phụ (vật liệu hấp phụ là than hoạt tính) → quạt hút → ống thoát khí.

+ Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

+ Vật liệu sử dụng: vật liệu hấp phụ là than hoạt tính.

- Hệ thống xử lý bụi cho nguồn số 02 (bụi sơn tại bồn phun sơn tĩnh điện của dây chuyền sản xuất bẫy chuột thông minh bằng kim loại).

+ Quy trình công nghệ xử lý: bụi sơn → hệ thống đường ống dẫn → cyclon → quạt hút → bể đập nước → ống thoát khí.

+ Công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: đập bụi sơn bằng nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị xử lý khí thải thường xuyên; định kỳ bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải tại khu vực xử lý.

- Đào tạo đội ngũ công nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố ngừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân, khắc phục sự cố kịp thời.

- Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì Công ty ngừng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh khí thải để sửa chữa, khắc phục đến khi sự cố được khắc phục và sửa chữa xong tiếp tục vận hành để phục vụ sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Sáu (06) tháng từ khi đưa hệ thống xử lý khí thải vào vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Một (01) hệ thống xử lý khí thải từ các công đoạn: phun sơn logo của dây chuyền sản xuất bẫy chuột thông minh bằng kim loại, phối trộn nguyên liệu của

của các dây chuyền sản xuất sản phẩm diệt côn trùng - xịt diệt gián, gel mối nhử côn trùng, hương muỗi, mối nhử chuột;

- Một (01) hệ thống xử lý bụi sơn từ công đoạn sơn tĩnh điện của dây chuyền sản xuất bẫy chuột thông minh bằng kim loại;

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

+ Một (01) vị trí ống khói thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ các công đoạn: phun sơn logo của dây chuyền sản xuất bẫy chuột thông minh bằng kim loại, phối trộn nguyên liệu của các dây chuyền sản xuất sản phẩm diệt côn trùng - xịt diệt gián, gel mối nhử côn trùng, hương muỗi, mối nhử chuột;

+ Một (01) vị trí ống khói thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi sơn từ công đoạn sơn tĩnh điện của dây chuyền sản xuất bẫy chuột thông minh bằng kim loại.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Tại các ống thải xả khí thải sau xử lý: thiết kế vị trí lấy mẫu đúng theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ - CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ - CP.

3.6. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, Công ty phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.7. Thực hiện công khai kết quả quan trắc khí thải định kỳ của Dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.8. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2. Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...214.../GPMT – UBND
ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính:**

- Nguồn số 01: phát sinh từ hoạt động của các máy móc tại khu vực sản xuất bẫy chuột thông minh bằng kim loại;
- Nguồn số 02: phát sinh từ hoạt động của các máy móc tại khu vực sản xuất kẹp bẫy chuột bằng nhựa;
- Nguồn số 03: phát sinh từ hoạt động của các máy móc tại khu vực sản phẩm diệt côn trùng an toàn - xịt diệt gián;
- Nguồn số 04: phát sinh từ hoạt động của các máy móc tại khu vực sản xuất gel mồi nhử chuột côn trùng;
- Nguồn số 05: phát sinh từ hoạt động của các máy móc tại khu vực sản xuất hương muỗi;
- Nguồn số 06: phát sinh từ hoạt động của các máy móc tại khu vực sản xuất mồi nhử chuột;
- Nguồn số 07: phát sinh từ hoạt động của các máy móc tại khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí số 1 (tương ứng nguồn số 01): X = 1288 217; Y = 574 452;
- Vị trí số 2 (tương ứng nguồn số 02): X = 1288 279; Y = 574 412;
- Vị trí số 3 (tương ứng nguồn số 03): X = 1288 283; Y = 574 409;
- Vị trí số 4 (tương ứng nguồn số 04): X = 1288 271; Y = 574 407;
- Vị trí số 5 (tương ứng nguồn số 05): X = 1288 277; Y = 574 436;
- Vị trí số 6 (tương ứng nguồn số 06): X = 1288 285; Y = 574 431;
- Vị trí số 7 (tương ứng nguồn số 07): X = 1288 351; Y = 574 425.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi giờ 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 đến 21 giờ	Từ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.
- Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt,...
- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.
- Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT – UBND
ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	340	Rắn
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	07 01 05	300	Bùn
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5	Rắn
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	35	Lỏng
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (KS)	18 01 01	70	Rắn
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải)	18 01 03	250	Rắn
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải bằng vật liệu khác ^(KS)	18 01 03	150	Rắn
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại ^(KS)	18 02 01	10	Rắn
9	Pin, ắc qui thải	19 06 05	4	Rắn
TỔNG CỘNG			1.164	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Vật liệu lọc thải (túi vải thải)	18 02 02	300	Rắn
2	Sản phẩm vô cơ khác (nhựa thừa từ công đoạn vệ sinh sản phẩm, sản phẩm trang trí không đạt chất lượng về màu sắc, kích thước, hạt nhựa sơn tĩnh điện...)	19 03 03	1.596	Rắn
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là chất thải nguy hại) thải (bao nilon)	18 01 06	240	Rắn
4	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	636	Rắn
5	Bụi chứa kim loại	07 03 13	1.560	Rắn
TỔNG CỘNG		-	4.332	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	30.000
TỔNG CỘNG		30.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: kho được xây tường gạch, mái tôn; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu

chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa.

2.2.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích kho: 30 m².

- Khu lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường bố trí trong nhà xưởng sản xuất có lắp vách ngăn bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.2.3. Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa có nắp đậy tại các khu vực có phát sinh.

2.3.2. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ vào chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng. Lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

- Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống thấm và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng

cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheet) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

- Về kho chứa hóa chất: thiết kế kho chứa hóa chất đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa quy định tại Mục 5 QCVN 05:2020/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

5. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số~~34~~.../GPMT – UBND
ngày ~~16~~ tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất của Dự án đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của Cụm công nghiệp Tân Hội (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B). Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số $k_p=1,0$ và $k_v=1,0$; QCVN 20:2009/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

5. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

6. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

7. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

8. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

10. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

11. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

12. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

14. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

16. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.